

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 15-6-2022
V/v hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Gng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham G phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/TLST-DS ngày 21 tháng 2 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-DS ngày 10/5/2021 và Thông báo thay đổi thời Gm mở phiên tòa số 107/TB-TA, ngày 27/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà L T A H, sinh năm 1962; địa chỉ: số 153 tổ 05 ấp Mỹ Long, xã MA, huyện CM, tỉnh AG(có mặt);

- Bị đơn:

+ Ông P V G, sinh năm 1964; (vắng mặt)

+ Bà N T K V, sinh năm 1965; (vắng mặt)

+ Ông P M N, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp Tấn Quới, xã TM, huyện CM, tỉnh AG;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, tự khai của nguyên đơn bà L T A H trình bày: Do quen biết nên vào năm 2019 giữa bà H và ông P V G thỏa

thuận mua bán vật tư nông nghiệp, bà H bán vật tư nông nghiệp (thuốc xịt Xoài) cho ông G, hai bên thỏa thuận, sau khi thu hoạch vụ mùa thì ông G thanh toán tiền. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã Go hàng nhiều lần cho phía ông G, mỗi lần nhận vật tư thì ông P M N (con ruột ông G) ký nhận, với tổng số tiền là 161.320.000 đồng, sau đó ngày 30/6/2020 có trả được số tiền 35.000.000 đồng, đến ngày 24/4/2021 có trả số tiền 15.000.000 đồng, còn nợ lại 111.320.000 đồng. Do ông G, ông Nhã, bà Vân không thực hiện trả nợ như cam kết. Vì vậy, bà H yêu cầu ông G, bà Vân và ông Nhã phải có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền là 111.320.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2020 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất nhà nước quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H thay đổi yêu cầu tính lãi suất từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử đối với số tiền còn nợ là 111.320.000 (Một trăm mười một triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Bị đơn ông P V G, bà N T K V trình bày: Ông P V G có thỏa thuận mua vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu, xịt Xoài) của bà L T A H, Theo đó, ông Nhã (con ruột ông G) có đến nhận hàng như: thuốc trừ sâu, thuốc xịt Xoài, các lần nhận vật tư nông nghiệp thì P M N đều ký nhận, mục đích mua vật tư nông nghiệp là làm kinh tế chung cho G đình, tổng số tiền là 161.320.000 đồng, sau khi thu hoạch Xoài, bà Vân có trả được 02 lần là 50.000.000 đồng, nên vợ chồng ông G còn nợ bà H số tiền là 111.320.000 đồng, do tình hình dịch bệnh và Xoài không có giá nên chưa thanh toán nợ cho bà H. Nay, theo yêu cầu khởi kiện của bà H, thì ông G và bà Vân xác nhận còn nợ bà H số tiền là 111.320.000 đồng, đối với phần tiền lãi xin không phải trả.

Ông P M N trình bày: Ông Nhã là con ruột của ông P V G và bà N T K V, ông Nhã xác nhận giữa ông G và bà H có thỏa thuận mua bán vật tư nông nghiệp và ông Nhã có đến cửa hàng của bà L T A H nhận các vật tư nông nghiệp thay ông G, các lần nhận hàng ông Nhã có ký nhận với bà H. Ông Nhã xác nhận, ông G, bà Vân còn nợ bà H số tiền 111.320.000 đồng. Vì vậy, ông Nhã đồng ý cùng có trách nhiệm với ông G, bà Vân trả nợ cho bà H. Tuy nhiên, ông Nhã xin hẹn trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ nêu trên và không phải trả lãi.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và không Go nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham G tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham G tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70; 71; 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được

Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại các Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa ông G, ông Nhã với bà H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, phía bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Go hàng và phía ông G, ông Nhã nhận đủ hàng nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 111.320.000 đồng cho bà H nên việc bà H khởi kiện là phù hợp các điều 430, 440 Bộ luật dân sự. Riêng, bà Vân tuy không trực tiếp Go dịch với bà H nhưng phía bà Vân xác định số nợ trên được phục vụ vào kinh tế chung của G đình và đồng ý trả cho bà H nên việc bà H yêu cầu bà Vân cùng liên đới là có căn cứ.

Về lãi suất, do ông G, bà Vân, ông Nhã chậm thực hiện trả nợ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H nên bà H yêu cầu tính lãi là phù hợp theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, phía bị đơn có yêu cầu xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng do hoàn cảnh khó khăn nhưng không được bà H đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357; 430; 440 và 468 Bộ luật dân sự:

Công nhận hợp đồng mua bán giữa bà L T A H và ông P V G, bà N T K V, ông P M N.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T A H.

Buộc ông P V G, bà N T K V, ông P M N có trách nhiệm liên đới trả cho bà L T A H số tiền 111.320.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và bị đơn có nơi cư trú: xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Go dịch dân sự về hợp đồng mua bán tài sản được xác lập năm 2019, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 157 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông P V G, bà N T K V, ông P M N đã được triệu tập hợp lần thứ 2 mà vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà Vân, ông Nhã.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông P V G, P V N và bà N T K V có trách nhiệm liên đới trả số tiền 111.320.000 đồng, trả một lần dứt điểm không đồng ý cho trả dần hàng tháng, đối với phần tiền lãi bà yêu cầu tính từ ngày 01/4/2020. Sau đó, bà H thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2020 cho đến ngày xét xử theo lãi suất Nhà nước quy định.

[2.2] Xét, lời trình bày của bị đơn ông P V G và bà N T K V xác nhận vào năm 2019 có thỏa thuận mua vật tư nông nghiệp của bà H, mục đích làm kinh tế, phục vụ cho sinh hoạt G đình, mua vật tư nhiều lần với tổng số tiền 161.320.000 đồng, thỏa thuận sau khi thu hoạch vụ mùa thì trả tiền cho bà H. Quá trình mua bán bà Vân trực tiếp trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lại 111.320.000 đồng thì dịch bệnh xảy ra và Xoài không có giá nên thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán cho bà H. Ông G, bà Vân xác nhận còn nợ bà H số tiền 111.320.000 đồng, do điều kiện khó khăn xin trả dần 2.000.000 đồng/tháng và không trả lãi. Đối với lời trình bày của ông P M N cho rằng không thỏa thuận mua vật tư nông nghiệp với bà H. Tuy nhiên, ông Nhã thừa nhận có nhận hàng hóa (vật tư nông nghiệp) cho ông G và ký nhận các lần nhận hàng, mục đích làm kinh tế và phục vụ cho sinh hoạt G đình. Ông Nhã xác nhận, ông G, bà Vân còn nợ bà H số tiền 111.320.000 đồng. Vì vậy, ông Nhã đồng ý cùng có trách nhiệm với ông G, bà Vân trả nợ cho bà H.

Xét, đối với hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà H và ông G được xác lập trên cơ sở hai bên tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, căn cứ vào lời trình bày của ông G, bà Vân thừa nhận vợ chồng mua vật tư nông nghiệp của bà H về phục vụ nhu cầu làm kinh tế và sinh hoạt cho G đình, ông G, bà Vân thống nhất còn nợ tiền vật tư nông nghiệp bà H là 111.320.000 đồng. Đối với, ý kiến của ông P M N, mặc dù không trực tiếp Go dịch mua vật tư của bà H, nhưng ông có nhận vật tư nông nghiệp thay ông G để ông G làm kinh tế và sinh hoạt cho G đình. Vì vậy, ông Nhã cũng đồng ý cùng ông G, bà Vân có trách nhiệm trả nợ cho bà H là 111.320.000 đồng. Do đó, hội đồng xét xử buộc ông G, bà Vân, ông Nhã cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền 111.320.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất, phía bị đơn yêu cầu không phải trả lãi, nhưng không được nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở xem xét. Trong quá trình giải quyết bà H thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 01/4/2020 thành ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ vốn và lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp.

Cụ thể được tính như sau: Tiền vốn $111.320.000 \times 0,83\%/tháng \times 25$ tháng 8 ngày (từ ngày 01/5/2020 đến ngày 15/6/2022) = 23.965.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 135.285.000 đồng. Do đó, buộc ông G, bà Vân, ông Nhã có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn và lãi là 135.285.000 đồng cho bà L T A H.

Thời Gian, phương thức thanh toán sẽ được giải quyết ở Gi đoạn thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

- Ông P V G, P V N và bà N T K V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.764.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; Điều 440; Điều 357; 288; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T A H.

Buộc ông P V G, bà N T K V và ông P M N có trách nhiệm liên đới trả cho bà L T A H tiền vốn và lãi là 135.285.000 (*Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông P V G, bà N T K V và ông P M N phải chịu 6.764.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

2.2. Hoàn lại 2.783.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà L T A H theo biên lai thu số 0010247 ngày 21/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Gng xét xử phúc thẩm. Riêng được sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Gng;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Trần Ngọc Diệu